

Bản án số: 17/2025/HS-ST

Ngày: 19/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Hiền

+ Ông Bon Niêng Ha Krong

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Rung K'Tuần – Thư ký Tòa án nhân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3-Lâm Đồng (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐ-HSST ngày 31 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lại Thị T; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày: 22 tháng 6 năm 1979 tại Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Lại Mạnh T1, sinh năm 1952. Họ tên mẹ: Bùi Thị B, sinh năm 1955. Anh em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1983, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Chồng (không có). C sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1977. Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008. Hiện cha, mẹ và các con đang sinh sống tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: (không).

Nhân thân: Ngày 14/11/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về Kinh doanh dịch vụ cầm đồ cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, hình thức phạt tiền, mức phạt 15.000.000 đồng. Chấp hành xong ngày 26/4/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/02/2025, đến ngày 24/02/2025 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Vợ chồng ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1976, bà Hồ Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa

+ Ông Trần Việt H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
+ Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ A M, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lại Thị T và vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H có mối quan hệ quen biết. Bị cáo thường xuyên cho bà H, ông N vay tiền, việc vay và trả tiền được các bên trao đổi qua ứng dụng Zalo, bị cáo sử dụng Zalo của số điện thoại 0868.343.288 với tên được lưu trên Zalo của bà H là "Tâm MN", cả hai thực hiện giao dịch bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Bị cáo sử dụng số tài khoản 5493205382950, bà H sử dụng số tài khoản 5493205018105 cùng Ngân hàng N2. Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 24/6/2024, bị cáo đã cho vợ chồng bà H vay nhiều lần với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với 109.5%/năm, cụ thể:

Ngày 15/9/2023, bị cáo cho bà H vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, căn trừ 9.000.000 đồng tiền lãi nên bị cáo chuyển khoản 291.000.000 đồng. Lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi vượt quá 7.356.164 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2023, bị cáo cho bà H vay 100.000.000 đồng, dư nợ gốc 400.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2023, bà H chuyển trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi 10 ngày (từ 21/9 đến 30/9/2023) của 400.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định 2.191.781 đồng, lãi vượt quá 9.808.219 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2023, bà H chuyển 15.300.000 đồng tiền lãi 17 ngày (05/10-22/10/2023) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 2.794.521 đồng, lãi vượt quá 12.505.479 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 01/11/2023, bà H chuyển 9.000.000 đồng tiền lãi 10 ngày (từ 21/10 đến 30/10/2023) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi vượt quá 7.356.164 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2023, bà H chuyển trả 200.000.000 đồng tiền gốc và 9.900.000 đồng lãi 11 ngày (từ 01/11 đến 12/11/2023) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 1.808.219 đồng, lãi vượt quá 8.091.781 đồng. Dư nợ gốc còn 100.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2023, bị cáo cho bà H vay 50.000.000 đồng. Dư nợ gốc 150.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2023, bị cáo cho bà H vay 150.000.000 đồng. Bà H chuyển khoản 3.900.000 đồng lãi 09 ngày (từ 13/11 đến 21/11/2023) của khoản nợ gốc 100.000.000 đồng và 06 ngày (từ 16/11 đến 21/11/2023) của khoản nợ gốc 50.000.000 đồng. Sau khi các bên tính toán lại thì số tiền đúng là 3.600.000 đồng

nên lãi tính vi phạm trên số tiền này. Lãi theo quy định là 712.329 đồng, lãi vượt quá 2.887.671 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2023, bà H chuyển 13.500.000 đồng tiền lãi 15 ngày (từ 22/11 đến 06/12/2023) của khoản 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 2.465.753 đồng, lãi vượt quá 11.034.247 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2023, bà H chuyển 19.800.000 đồng tiền lãi 21 ngày (từ 07/12 đến 27/12/2023) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi các bên tính toán lại thì số tiền đúng là 18.900.000 đồng nên lãi tính vi phạm trên số này. Lãi theo quy định là 3.452.000 đồng, lãi vượt quá 15.448.000 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2024, bà H chuyển 24.300.000 đồng tiền lãi 27 ngày (28/12/2023 đến 23/01/2024) của 300.000.000 đồng. Lãi theo quy định là 4.438.356 đồng, lãi vượt quá 19.861.644 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 08/02/2024, bà H chuyển 15.000.000 đồng tiền lãi 15 ngày (từ 24/01 đến 08/02/2024) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi các bên tính toán lại thì số tiền đúng là 13.500.000 đồng nên lãi tính vi phạm trên số này. Lãi theo quy định là 2.465.000 đồng, lãi vượt quá 11.035.000 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 02/3/2024, bà H chuyển 19.800.000 đồng tiền lãi 22 ngày (09/02 đến 02/3/2024) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 3.616.438 đồng, lãi vượt quá 16.183.562 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2024, bà H chuyển trả 150.000.000 đồng tiền gốc và 26.100.000 đồng tiền lãi 29 ngày (03/3 đến 31/3/2024) của 300.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 4.767.123 đồng, lãi vượt quá 21.332.877 đồng. Dư nợ gốc 150.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2024, bị cáo cho bà H vay 50.000.000 đồng. Dư nợ gốc 200.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2024, bị cáo cho bà H vay 200.000.000 đồng. Dư nợ gốc 400.000.000 đồng.

Ngày 03/5/2024, bà H chuyển trả 200.000.000 đồng tiền gốc và 6.600.000 đồng tiền lãi 11 ngày (23/4 đến 03/5/2024) của 200.000.000 đồng tiền gốc. Lãi theo quy định là 1.205.479 đồng, lãi vượt quá 5.394.521 đồng. Dư nợ gốc 200.000.000 đồng.

Ngày 06/5/2024, bị cáo cho bà H vay 100.000.000 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 12/5/2024, bà H chuyển 24.000.000 đồng tiền lãi 42 ngày (31/3 đến 12/5/2024) của khoản vay 150.000.000 đồng và 37 ngày (06/4 đến 12/5/2024) của khoản vay 50.000.000 đồng vay ngày 06/4/2024. Lãi theo quy định là 8.657.500 đồng, lãi vượt quá 15.342.500 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2024, bị cáo cho bà H vay 200.000.000 đồng. Dư nợ gốc 500.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2024, bà H chuyển trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.700.000 đồng tiền lãi 19 ngày (13/5 đến 31/5/2024) của khoản vay 200.000.000 đồng và 25 ngày (06/5 đến 31/5/2024) của khoản 100.000.000 đồng. Sau khi các bên tính toán lại thì số tiền đúng là 19.800.000 đồng nên lãi tính vi phạm trên số này. Lãi theo quy định là 6.300.000 đồng, lãi vượt quá 13.500.000 đồng. Dư nợ gốc 400.000.000 đồng.

Ngày 24/6/2024, bà H chuyển trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 21.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi các bên tính toán lại thì số tiền đúng là 19.800.000 đồng nên lãi tính vi phạm trên số này. Lãi theo quy định là 3.616.000 đồng, lãi vượt quá 16.184.000 đồng. Dư nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2024, sau khi bị cáo nhấn tin đòi nợ gốc, bà H chuyển 40.000.000 đồng (bà H tự ý chuyển khoản, hai bên chưa tính toán là lãi hay gốc). Bị cáo cho rằng trừ vào tiền gốc không tính lãi nên không có cơ sở để tính lãi vượt quá.

Ngày 19/8/2024, bị cáo cho bà H vay 500.000.000 đồng, ngày 20/8/2024, bị cáo tiếp tục cho bà H vay 1.700.000.000 đồng. Dư nợ gốc 2.200.000.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 19/8 và 20/8/2024, bị cáo cho bà H mượn để đảo hạn ngân hàng, không tính lãi.

Ngày 20/8/2024, bà H được Ngân hàng B1-Bv B2 giải ngân số tiền 2.400.000.000 đồng. Bà H đưa hết số tiền này cho bị cáo bằng tiền mặt, sau đó bị cáo nộp vào tài khoản của mình và ghi một tờ giấy chụp gửi qua cho bà H. Trong nội dung tờ giấy ghi trừ 13.200.000 đồng, bà H cho rằng đây là tiền lãi 02 ngày (19/8 và 20/8/2024) của 2.200.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng số tiền này được bị cáo trừ lại để mời nước anh em Ngân hàng đã hỗ trợ giải ngân vì tài sản thế chấp của bà H hơi yếu so với số tiền giải ngân, không phải tiền lãi. Xét thấy, các bên thỏa thuận số tiền lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và số tiền 1.700.000.000 đồng ngày 20/8/2024 bị cáo mới chuyển nên không có cơ sở để tính lãi 02 ngày.

Ngoài ra, ngày 20/8/2024 đến 12/12/2024, bị cáo và bà H nhiều lần thực hiện giao dịch vay tiền – trả tiền, việc vay và trả diễn ra nhiều lần, các bên thực hiện việc đưa, nhận tiền có lúc bằng hình thức chuyển khoản, có lúc đưa tiền mặt nên không phân định được bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi. Khi chuyển khoản, bà H không ghi nhận là lãi của khoản nào nên không có cơ sở để xác định số tiền lãi bị cáo đã nhận. Riêng ngày 01/10/2024, bị cáo chuyển khoản 100.000.000 đồng là tiền cọc để mua xe ô tô của ông N, bà H. Đến nay, bà H cho rằng hiện còn nợ 650.000.000 đồng, bị cáo cho rằng từ ngày 10/7/2024 đến 12/12/2024 bà H chuyển bao nhiêu thì sẽ được trừ vào tiền gốc nên hiện nay bà H còn nợ là 473.600.000 đồng. Các khoản phát sinh trong thời gian này không có căn cứ xem xét xử lý.

Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 24/6/2024, bị cáo cho bà H vay nhiều lần tổng số tiền 1.150.000.000 đồng tiền gốc. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền 850.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc sau khi vay bà H đã trả lại, bị cáo tiếp tục sử dụng số tiền này để xoay vòng cho khoản vay tiếp theo. Tổng số tiền lãi bị cáo thu 249.900.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận việc chuyển dư 4.800.000 đồng và nhận chịu trách nhiệm, không yêu cầu bị cáo phải chịu số tiền này. Số tiền lãi được xác định 245.100.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 51.778.171, lãi vượt quá 193.321.829 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ: 01 tờ giấy phía trên ghi “Hôm nay ngày 19/8/2024 tôi Nguyễn Duy N có nhờ em T...”; 01 tờ giấy mượn tiền ghi “Hôm nay ngày 23/4/5024”; 01 tờ giấy ghi “Hôm nay ngày 15/9/2023. Vợ chồng em Nguyễn Văn N1” mặt sau ghi “ngày 15/9/2023, Tôi là Nguyễn Duy N có nhờ em T...”; 01 Giấy mượn tiền ghi “Hôm nay ngày 23/04/2024 tôi là Nguyễn Duy N...”; 01 tờ giấy ghi

nội dung “H mượn Tâm 650.000.000 ngày 17/8/2024...”; 01 thùng Case máy tính để bàn; 01 kết sắt, không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại Iphone 12 Promax. Kiểm tra không phát hiện các dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại 01 thùng case; 01 kết sắt và 01 điện thoại cho bị cáo. Các tài liệu còn lại được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 16/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông (nay là Viện kiểm sát khu vực 3 - Lâm Đồng) truy tố bị cáo Lại Thị T về “*Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lại Thị T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Lại Thị T cho bà H vay nhiều lần tổng số tiền 1.150.000.000 đồng tiền gốc và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thanh toán nhiều lần tổng số tiền 850.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc sau khi vay bà H đã trả lại, bị cáo tiếp tục sử dụng số tiền này để xoay vòng cho khoản vay tiếp theo nên số tiền gốc buộc bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước căn cứ vào số dư nợ gốc của lần vay cao nhất là 500.000.000 đồng. Hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền gốc nên cần truy thu số tiền này để nộp sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu là 245.100.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 51.778.171 đồng sung quỹ nhà nước, lãi vượt quá 193.321.829 đồng hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà H.

Về xử lý vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi vượt quá lãi suất quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng xác định ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H là bị hại là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H tham gia tư cách tố tụng trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung hình phạt: bị cáo là người đã trưởng thành và biết rõ việc thông qua giao dịch dân sự để cho vay với lãi suất lớn hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 24/6/2024, bị cáo Lại Thị T cho bà H ông N vay 22 lần với tổng số tiền 1.150.000.000 đồng, trong đó lần dư nợ gốc lớn nhất là 500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mức lãi suất 109,5%/năm, vượt 89,5% so với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 193.321.829 đồng.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lại Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “ Gia đình có công với cách mạng” nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy, hiện nay hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên cần thiết phải xử phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Xét bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, không phải hoạt động cho vay dưới hình thức băng, ổ nhóm, đồng thời bị cáo có nơi cư trú ổn định và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc bị cáo bỏ ra nhiều lần để cho vay tổng 1.150.000.000 đồng mà bà H đã trả nhiều lần với tổng số tiền 850.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc sau khi bị cáo cho bà H ông N vay, sau đó bà H trả lại và bị cáo tiếp tục sử dụng để xoay vòng cho các khoản vay tiếp theo của bà H nên

xác định số tiền gốc bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước căn cứ vào số dư nợ gốc của lần vay cao nhất là 500.000.000 đồng. Hiện bà H ông N còn nợ bị cáo 300.000.000 đồng tiền gốc nên cần truy thu số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo phải nộp số tiền còn lại 200.000.000 đồng và tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của người vay 51.778.171 đồng, đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo đã thu của người vay là 193.321.829 đồng thì bị cáo phải trả lại cho người vay tiền. Do đó, yêu cầu của ông N bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn tiếp nhận đơn của bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Trần Việt H1 tố cáo bị cáo Lại Thị T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không chứng minh được bị cáo Lại Thị T có hành vi cho vay lãi nặng với những người này nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án toàn bộ vật chứng đã thu giữ (đã lưu vào hồ sơ vụ án).

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Lại Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lại Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính kể từ ngày tuyên án (19/8/2025).

Giao bị cáo Lại Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành. Gia đình bị cáo Lại Thị T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo; trường hợp thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Lại Thị T số tiền 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Lại Thị T phải nộp lại 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc của người vay tiền đã trả cho bị cáo và 51.778.171 đồng là số tiền lãi hợp pháp đã thu của người vay ông N, bà H. Tổng số tiền bị cáo phải nộp là 251.778.171 đồng để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000699 và 53.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000720, cùng ngày 18/8/2025 của

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng. Buộc bị cáo Lại Thị T tiếp tục nộp số tiền 98.778.171 đồng.

Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H 193.321.829 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H phải nộp 300.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 3-Lâm Đồng;
- CQ CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC10- CA tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bon Niêng Ha Krông Nguyễn Thị H2

Đỗ Thị Thúy P

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đam Rông;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục Thi hành án Đam Rông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng